

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2011/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 8 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc nâng chế độ trợ cấp cho đối tượng đang nuôi dưỡng
tại các cơ sở bảo trợ xã hội, Nhà xã hội tại huyện Đất Đỏ và
Trung tâm Giáo dục Lao động và Dạy nghề

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Thông tư liên tịch số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2010 của liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 117/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 01 tháng 10 năm 2007 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về chế độ trợ cấp đối với người nghiện ma túy, người bán dâm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2008/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 13 tháng 02 năm 2008 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 117/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 01 tháng 10 năm 2007 của liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình liên sở số 1777/LS.LĐTBXH-TC ngày 05 tháng 7 năm 2011 về việc nâng chế độ trợ cấp cho đối tượng đang nuôi dưỡng tại các Cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội tại huyện Đất Đỏ và Trung tâm Giáo dục Lao động và Dạy nghề,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành nâng mức trợ cấp cho các đối tượng là người già neo đơn, người tàn tật, người tâm thần, trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS, người lang thang xin ăn, người nghiện ma túy, người bán dâm, người sau cai nghiện đang nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội tại huyện Đất Đỏ và Trung tâm Giáo dục Lao động và Dạy nghề thuộc ngành Lao động Thương binh và xã hội quản lý (Trung tâm Xã hội, Trung tâm Bảo trợ trẻ em Vũng Tàu, Trung tâm Bảo trợ cô nhi khuyết tật, Trung tâm Nuôi dưỡng người già neo đơn, Nhà xã hội tại Huyện Đất Đỏ và Trung tâm Giáo dục lao động và Dạy nghề), cụ thể như sau:

1) Chế độ trợ cấp đối với đối tượng đang nuôi dưỡng tại Trung tâm Xã hội, Trung tâm Bảo trợ cô nhi khuyết tật, Trung tâm Nuôi dưỡng người già neo đơn, Trung tâm Bảo trợ trẻ em Vũng Tàu và nhà Xã hội tại huyện Đất Đỏ:

a) Trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng (tiền ăn):

- Mức trợ cấp 660.000 đồng/người/tháng, áp dụng cho các đối tượng sau:

+ Trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên đến dưới 16 tuổi trong các trường hợp: mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng;

+ Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hóa, học nghề, có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên;

+ Trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội đến tuổi trưởng thành (đủ 16 tuổi) nhưng không tiếp tục học văn hóa, học nghề thì cơ sở bảo trợ xã hội và địa phương nơi cơ sở bảo trợ xã hội đặt trụ sở có trách nhiệm hỗ trợ tạo việc làm, nơi ở và tiếp tục hưởng trợ cấp cho đến khi tự lập được cuộc sống, nhưng không quá 24 tháng;

+ Người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo; người cao tuổi còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo;

+ Người tàn tật nặng không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ;

+ Người lang thang tập trung chờ đưa về nơi cư trú.

- Mức trợ cấp 830.000 đồng/người/tháng, áp dụng cho các đối tượng sau:

+ Trẻ em dưới 18 tháng tuổi trong các trường hợp: mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng; trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ gia đình nghèo;

+ Trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS trong các trường hợp: mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng; trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ gia đình nghèo;

+ Người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm và có kết luận bệnh mãn tính, sống độc thân không nơi nương tựa.

b) Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: đối tượng tại các cơ sở bảo trợ xã hội được trợ cấp tiền thuốc chữa bệnh thông thường mức trợ cấp 138.000 đồng/người/tháng. Tiền điều trị nhiễm trùng cơ hội cho đối tượng nhiễm HIV/AIDS là 325.000 đồng/người/năm. Riêng đối tượng tâm thần nuôi dưỡng tại Trung tâm xã hội, tiền thuốc chữa bệnh (đã bao gồm thuốc tâm thần) là 252.000 đồng/người/tháng.

c) Trợ cấp học văn hóa, học nghề: các đối tượng tại các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội đang học văn hóa, học nghề được miễn giảm học phí theo quy định của pháp luật, đồng thời được trợ cấp sách vở, đồ dùng học tập với mức cụ thể như sau:

- Trợ cấp tiền mua sách vở, đồ dùng học tập:

+ Cấp 1 : 240.000 đồng/học sinh/năm;

+ Cấp 2 : 250.000 đồng/học sinh/năm;

+ Cấp 3 : 300.000 đồng/học sinh/năm;

+ Học nghề : 480.000 đồng/học sinh/năm.

- Trợ cấp tiền mua sách giáo khoa: các em đi học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học được thanh toán tiền mua sách giáo khoa theo giá sách hiện hành.

Riêng đối với sách giáo khoa sử dụng trong học văn hóa: 01 bộ sách giáo khoa được quản lý và sử dụng luân chuyển cho các đối tượng tối thiểu 2 năm.

d) Trợ cấp tư trang, vật dụng sinh hoạt:

- Các đối tượng xã hội đang nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội được trợ cấp để mua tư trang, vật dụng sinh hoạt mức trợ cấp 600.000 đồng/người/năm.

- Hỗ trợ tư trang, vật dụng sinh hoạt cho đối tượng lang thang tập trung chờ đưa về nơi cư trú: 263.000 đồng/lượt người .

đ) Trợ cấp tiền vệ sinh nữ trong độ tuổi sinh đẻ: trợ cấp vệ sinh cá nhân hàng tháng đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ là 30.000 đ/người/tháng .

e) Hỗ trợ chi phí mai táng: các đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng:

- Người lớn : 5.500.000 đồng/người;

- Trẻ em : 5.000.000 đồng/người.

2) Chế độ trợ cấp đối với đối tượng mại dâm, ma túy và người sau cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục Lao động và dạy nghề.

a) Trợ cấp tiền ăn hàng tháng: mức trợ cấp 660.000 đồng/người/tháng cho đối tượng mại dâm, ma túy tại Trung tâm Giáo dục Lao động và Dạy nghề, cụ thể:

- Đối với người nghiện ma túy là 12 tháng; đối với người bán dâm là 9 tháng. Thời gian chấp hành còn lại (nếu có) người bán dâm, người nghiện ma túy phải đóng tiền theo quy định.

- Đối với người nghiện ma túy, người bán dâm bị nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, người bán dâm, người nghiện ma túy chưa thành niên được trợ cấp tiền ăn trong thời gian chấp hành quyết định.

- Đối tượng quản lý sau cai nghiện, cụ thể: đối với người nghiện ma túy sau cai nghiện là 12 tháng.

b) Tiền tư trang:

- Mức trợ cấp 263.000 đồng/người/lần chấp hành đối với đối tượng lưu trú tạm thời theo Nghị định 43/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ;

- Mức trợ cấp 600.000 đồng/người/năm hoặc lần chấp hành đối với đối tượng mại dâm thời hạn thực hiện quyết định từ 6 tháng đến 18 tháng; đối tượng nghiện ma túy thời gian thực hiện quyết định từ 12 đến 24 tháng theo Nghị định

135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ; đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy theo Nghị định 94/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ thời gian thực hiện từ 12 tháng đến 24 tháng.

c) Tiền thuốc:

- Mức trợ cấp tiền thuốc 432.000 đồng/người/năm đối với đối tượng quản lý sau cai nghiện.

- Mức trợ cấp tiền thuốc 420.000 đồng/người/năm đối với đối tượng mại dâm, ma túy.

d) Tiền hỗ trợ học nghề: mức trợ cấp học nghề 1.200.000 đồng/người/khóa.

đ) Tiền vệ sinh phụ nữ: trợ cấp vệ sinh cá nhân hàng tháng đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ là 30.000 đ/người/tháng

e) Hoạt động văn thể: mức trợ cấp 60.000 đồng/người/năm.

g) Tiền mai táng phí: mức trợ cấp 5.500.000 đồng/người đối với đối tượng mại dâm, ma túy, đối tượng quản lý sau cai nghiện chết mà không có thân nhân hoặc thân nhân chưa kịp đến.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành nâng mức chế độ trợ cấp cho đối tượng đang nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội và Trung tâm Giáo dục Lao động và Dạy nghề thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý.

Thời gian thực hiện mức trợ cấp theo quy định này áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2011.

Điều 3. Giao trách nhiệm cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Tài chính triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Kho bạc Nhà nước; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Dũng